

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI KÌ II NĂM HỌC 2023 – 2024**MÔN ĐỊA LÍ 9****A. PHẦN TRẮC NGHIỆM**

Câu 1: Tỉnh nào thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Nam nhưng không thuộc vùng Đông Nam Bộ?

- A. Đồng Nai. B. Bình Phước. C. Long An. D. Bình Dương.

Câu 2: Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam hiện nay có bao nhiêu tỉnh, thành phố?

- A. 6. B. 7. C. 8. D. 9.

Câu 3: Ý nào **không** đúng về điều kiện tự nhiên của vùng Đông Nam Bộ?

- A. Khí hậu nhiệt đới có mùa đông lạnh. C. Có tiềm năng lớn về dầu mỏ, khí tự nhiên.
B. Khí hậu cận xích đạo, thiên tai ít xảy ra. D. Có diện tích đất ba dan, đất xám lớn.

Câu 4: Đông Nam Bộ có nhiều di tích lịch sử văn hóa có ý nghĩa để phát triển ngành kinh tế nào?

- A. Thủy sản. B. Du lịch. C. Công nghiệp. D. Thương mại.

Câu 5: Hai loại đất nào chiếm diện tích lớn nhất ở Đông Nam Bộ?

- A. Đất phù sa và đất feralit. C. Đất xám và đất phù sa.
B. Đất badan và đất feralit. D. Đất badan và đất xám.

Câu 6: Biển Đông (phần thuộc Việt Nam) có hai vịnh lớn nào?

- A. Vịnh Bắc Bộ và Vịnh Hạ Long. C. Vịnh Bắc Bộ và Vịnh Thái Lan.
B. Vịnh Cam Ranh và Vịnh Thái Lan. D. Vịnh Cam Ranh và Vịnh Hạ Long.

Câu 7: Ngành công nghiệp trọng điểm nào ở Đông Nam Bộ sử dụng hoàn toàn nguồn tài nguyên sẵn có?

- A. Vật liệu xây dựng. C. Hóa chất.
B. Cơ khí – điện tử. D. Khai thác dầu khí.

Câu 8: Tỉnh nào dưới đây của vùng Đông Nam Bộ có điều kiện phát triển tổng hợp kinh tế biển?

- A. Bình Dương. C. Tây Ninh.
B. Đồng Nai. D. Bà Rịa - Vũng Tàu.

Câu 9: Vấn đề nào sau đây được quan tâm nhất hiện nay ở Đông Nam Bộ?

- A. Thu nhập thấp. C. Đất nhiễm mặn, phèn.
B. Ô nhiễm môi trường. D. Cơ sở hạ tầng.

Câu 10: Nước ta có khoảng bao nhiêu đảo ven bờ?

- A. 2000. B. 3000. C. 4000. D. 5000.

Câu 11: Vùng Đông Nam Bộ chủ yếu là dạng địa hình nào sau đây?

- A. Đồng bằng. C. Đồi núi.
B. Cao nguyên. D. Bán bình nguyên.

Câu 12: Khí hậu Đông Nam Bộ có đặc điểm nổi bật là?

- A. Ôn đới gió mùa. C. Cận xích đạo nóng ẩm.
B. Cận nhiệt đới gió mùa. D. Nhiệt đới ẩm gió mùa.

Câu 13: Những ngành công nghiệp hiện đại nào đang trên đà phát triển ở vùng Đông Nam Bộ?

- A. Luyện kim, điện tử, công nghệ cao. C. Dầu khí, điện tử, hoá chất.
B. Dầu khí, điện tử, công nghệ cao. D. Luyện kim, điện tử, năng lượng.

Câu 14: Nhóm đất có giá trị lớn nhất, thích hợp cho phát triển sản xuất lương thực ở Đồng bằng sông Cửu Long là loại đất nào?

- A. Đất mặn. C. Đất phù sa ngọt.
B. Đất phèn. D. Đất feralit.

Câu 15: Bờ biển nước ta kéo dài khoảng 3260 km từ tỉnh, thành phố nào sau đây?

- A. Móng Cái đến Vũng Tàu.
- B. Vũng Tàu đến Mũi Cà Mau.
- C. Mũi Cà Mau đến Hà Tiên.
- D. Móng Cái đến Hà Tiên.

Câu 16: Đâu **không phải** là khó khăn về đặc điểm dân cư xã hội ở Đông Nam Bộ?

- A. Lao động lành nghề.
- B. Thất nghiệp.
- C. Ô nhiễm môi trường.
- D. Tệ nạn xã hội.

Câu 17: Đất mặn của vùng Đồng bằng sông Cửu Long phân bố chủ yếu ở đâu?

- A. Dọc các cửa sông.
- B. Vành đai Biển Đông và Vịnh Thái Lan.
- C. Vùng trũng thấp Đồng Tháp Mười và tứ giác Long Xuyên.
- D. Vùng thượng nguồn sông Mê Kông.

Câu 18: Hai con sông nào sau đây là nguồn cung cấp phù sa chủ yếu cho Đồng bằng sông Cửu Long?

- A. Sông Tiền và sông Hậu.
- B. Sông Vàm Cỏ, sông Cửu Long.
- C. Sông Rạch Miễu, sông Hậu.
- D. Sông Tiền, Sông Cái.

Câu 19: Khu vực dịch vụ ở Đồng bằng sông Cửu Long bao gồm các ngành chủ yếu nào dưới đây?

- A. Vận tải thủy, du lịch, bưu chính viễn thông.
- B. Khách sạn, nhà hàng, xuất nhập khẩu thương mại.
- C. Thương mại, tài chính ngân hàng, bưu chính viễn thông.
- D. Xuất nhập khẩu, vận tải đường thủy, du lịch.

Câu 20: Cây công nghiệp nào sau đây được trồng nhiều nhất ở Đồng bằng sông Cửu Long?

- A. Dừa
- B. Bông.
- C. Chè.
- D. Lạc.

Câu 21: Phía tây nam vùng Đồng bằng sông Cửu Long giáp với vịnh biển nào sau đây?

- A. Vịnh Bắc Bộ
- B. Vịnh Nam Bộ.
- C. Biển Hoa Đông.
- D. Vịnh Thái Lan.

Câu 22: Ý nghĩa lớn nhất của rừng ngập mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long là?

- A. Cung cấp gỗ và chất đốt.
- B. Bảo tồn nguồn gen sinh vật
- C. Chắn sóng, chắn gió, giữ đất.
- D. Du lịch sinh thái.

Câu 23: Quần đảo nào cách xa bờ nhất của Việt Nam?

- A. Hoàng Sa.
- B. Trường Sa.
- C. Côn Sơn.
- D. Phú Quý.

Câu 24: Dọc bờ biển nước ta có khoảng bao nhiêu bãi tắm?

- A. Dưới 100 bãi tắm.
- B. 100 – 110 bãi tắm.
- C. 110 – 120 bãi tắm.
- D. Trên 120 bãi tắm.

Câu 25: Nước ta có chiều dài đường bờ biển và diện tích vùng biển tương ứng khoảng bao nhiêu?

- A. 3 160km và khoảng 0,5 triệu km².
- B. 3 260km và khoảng 1,0 triệu km².
- C. 3 460km và khoảng 2,0 triệu km².
- D. 2 360km và khoảng 1,0 triệu km².

Câu 26: Hệ thống đảo ven bờ của nước ta phân bố tập trung chủ yếu ở vùng biển của các tỉnh nào sau đây?

- A. Thanh Hóa, Quảng Nam, Bình Định, Cà Mau.
- B. Quảng Bình, Quảng Ngãi, Ninh Thuận, Bình Thuận.
- C. Quảng Ninh, Hải Phòng, Khánh Hòa, Kiên Giang.
- D. Thái Bình, Nghệ An, Ninh Thuận, Bà Rịa - Vũng Tàu.

Câu 27: Dựa vào Tập bản đồ Địa lí 9 (trang 26, 27), em hãy cho biết Côn Đảo thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Bạc Liêu
- B. Cà Mau
- C. Sóc Trăng
- D. Bà Rịa – Vũng Tàu.

Câu 28: Dựa vào Tập bản đồ Địa lí 9 (trang 28, 29), em hãy cho biết đảo Phú Quốc thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. An Giang.
- B. Hậu Giang.
- C. Kiên Giang.
- D. Tiền Giang.

Câu 29: Nước ta có bao nhiêu tỉnh/thành phố giáp biển?

A. 27 tỉnh/thành phố.

C. 28 tỉnh/thành phố.

B. 29 tỉnh/thành phố.

D. 30 tỉnh/thành phố.

Câu 30: Tính từ đất liền ra, các bộ phận thuộc vùng biển nước ta lần lượt là?

A. Lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, nội thủy, đặc quyền kinh tế và thềm lục địa.

B. Tiếp giáp lãnh hải, lãnh hải, đặc quyền kinh tế, nội thủy.

C. Lãnh hải, nội thủy, đặc quyền kinh tế, tiếp giáp lãnh hải.

D. Nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa.

B. PHẦN TỰ LUẬN:

Câu 1: Dựa vào bảng số liệu sau:

Tỉ lệ diện tích và sản lượng lúa của Đồng bằng sông Cửu Long năm 2011

(Đơn vị:%)

Chỉ số	ĐB sông Cửu Long	Các vùng khác
Diện tích	53,5	46,5
Sản lượng	54,9	45,1

a. Vẽ biểu đồ cột chồng thể hiện tỉ lệ diện tích và sản lượng lúa của Đồng bằng sông Cửu Long so với các vùng khác.

b. Nhận xét.

a. Vẽ biểu đồ cột chồng năm 2011 (đảm bảo đúng yêu cầu: đúng, đẹp, ghi số liệu, đơn vị %, chú thích, tên biểu đồ).

b. Nhận xét:

- Đồng bằng sông Cửu Long có tỉ lệ diện tích và sản lượng lúa cao nhất cả nước, chiếm hơn 1/2 diện tích và sản lượng lúa của cả nước. (dẫn chứng)

- Đồng bằng sông Cửu Long là vùng trọng điểm sản xuất lương thực lớn nhất của nước ta.

Câu 2: Đồng bằng sông Cửu Long có những điều kiện thuận lợi gì để trở thành vùng sản xuất lương thực lớn nhất cả nước?

- Đồng bằng rộng lớn. Đất phù sa màu mỡ chiếm diện tích lớn (1.2 triệu ha).

- Khí hậu nóng ẩm quanh năm, lượng mưa dồi dào thích hợp trồng cây lúa nước.

- Hệ thống sông ngòi, kênh rạch dày đặc.

- Nguồn lao động dồi dào, nhiều kinh nghiệm trồng lúa, năng động.

- Cơ sở vật chất kĩ thuật như: Hệ thống thủy lợi, cơ sở tạo giống, công nghiệp chế biến,... được chú trọng phát triển.

- Có nhiều chính sách khuyến khích phát triển sản xuất lương thực.

- Thị trường tiêu thụ rộng lớn.

Câu 3: Dựa vào tập bản đồ Địa lí 9 (trang 30, 31), em hãy kể tên các ngành kinh tế biển của nước ta? Quần đảo Hoàng Sa và Hoàng Sa thuộc tỉnh (thành) nào của nước ta?

- Các ngành kinh tế biển: Khai thác, nuôi trồng và chế biến hải sản, du lịch biển - đảo, khai thác và chế biến khoáng sản biển, giao thông vận tải biển.

- Quần đảo Hoàng Sa thuộc Thành phố Đà Nẵng, quần đảo Hoàng Sa thuộc tỉnh Khánh Hòa.

Câu 4: Tại sao trong quá trình phát triển kinh tế ở Đông Nam Bộ phải chú trọng đến việc bảo vệ môi trường?

- Môi trường Đông Nam Bộ bị suy thoái ảnh hưởng tới nhiều mặt của đời sống, kinh tế, xã hội.

- Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến suy thoái môi trường là do chất thải sinh hoạt, các hoạt động kinh tế đặc biệt là sự phát triển nhanh của ngành công nghiệp.

- Ngăn chặn sự suy giảm của môi trường tự nhiên.

- Ngăn chặn những tác động tiêu cực tới kinh tế - xã hội, đảm bảo phát triển bền vững.

---HẾT---